

Số: 15 /QĐ-GDDT

Quận 7, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp quận
năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 7 về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân Quận 7;

Căn cứ Kế hoạch số 5200/KH-SGDDT ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9, lớp 12 cấp thành phố năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 5535/SGDDT-GDTrH ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức thi chọn học sinh giỏi lớp 9 thành phố năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 1560/GDDT-THCS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp quận năm học 2024 – 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 141 học sinh đạt giải học sinh giỏi lớp 9 cấp quận năm học 2024-2025 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Học sinh đạt giải học sinh giỏi lớp 9 cấp quận sẽ được cấp giấy chứng nhận của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trung học cơ sở, Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở GDĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, Tổ THCS.



TRƯỞNG PHÒNG

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đặng Nguyễn Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN
NĂM HỌC 2024-2025**

(đính kèm Quyết định số 4 ngày 20 / 01 /2025 của Phòng GDĐT)

STT	Tên trường	Họ và lót	Tên	Lớp học	Môn
1	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Vương Minh	Thiên	9TC4	Công nghệ
2	THCS Nguyễn Thị Thập	Huỳnh Phương	Uyên	9TH	Công nghệ
3	THCS Nguyễn Hiền	Nguyễn Thanh	Hoà	9A3	Công nghệ
4	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Nguyễn An	Nhiên	9TC4	Công nghệ
5	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Anh	Thư	9TC3	Công nghệ
6	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Võ Anh	Hào	9TC4	Công nghệ
7	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Trần Thị Lan	Anh	9TC4	Công nghệ
8	THCS Trần Quốc Tuấn	Trần Phước	Lộc	9TC2	Công nghệ
9	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Phúc	Khang	9TC3	Công nghệ
10	THCS Trần Quốc Tuấn	Nguyễn Hoàng Vũ	Phong	9TC2	Công nghệ
11	THCS Trần Quốc Tuấn	Trần Nguyễn Linh	Đan	9A3	Công nghệ
12	THCS Trần Quốc Tuấn	Nguyễn Văn	Lâm	9TC2	Công nghệ
13	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Trần Cát	Tiên	9TC2	Công nghệ
14	THCS Nguyễn Hiền	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	9A3	Công nghệ
15	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đoàn Lê Minh	Phúc	9TC4	Công nghệ
16	THCS Huỳnh Tấn Phát	Phạm Quỳnh	Mai	9A3	KHTN (1)
17	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Nguyễn Thái An	Tuệ	9T1	KHTN (1)
18	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Vũ Ngọc Bảo	Ngân	9TC5	KHTN (1)
19	THCS Nguyễn Hiền	Trần Quốc	Kiệt	9A1	KHTN (1)
20	THCS Nguyễn Thị Thập	Phạm Đức	Thái	9TC3	KHTN (1)
21	THCS Phạm Hữu Lầu	Phạm Trần Mỹ	Quân	9TC1	KHTN (1)
22	THCS Nguyễn Hiền	Nguyễn Hoàng	Việt	9A1	KHTN (1)
23	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặng Gia	Khánh	9A2	KHTN (1)
24	THPT Nam Sài Gòn	Lê Đình	Tâm	9A1	KHTN (1)
25	THPT Nam Sài Gòn	Bùi Phúc	Minh	9A1	KHTN (1)
26	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Lương Thảo	Nhi	9F2	KHTN (1)
27	THCS Trần Quốc Tuấn	Trần Ngọc Diễm	My	9TC1	KHTN (1)
28	THCS Hoàng Quốc Việt	Trương Mỹ	Ngọc	9TC3	KHTN (1)
29	THPT Nam Sài Gòn	Nguyễn Gia	Cát	9A2	KHTN (1)
30	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đoàn Thanh	Thùy	9TC5	KHTN (1)
31	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Diệp Kiêm	Anh	9TC5	KHTN (2)
32	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Hoàng Thanh	Phương	9TC1	KHTN (2)
33	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Lương Phú	Thịnh	9T1	KHTN (2)
34	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đình Hoàng	Lâm	9A1	KHTN (2)
35	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Hà Quỳnh	Dao	9TC5	KHTN (2)
36	THPT Nam Sài Gòn	Đình Ngọc	Nhân	9A3	KHTN (2)
37	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Nguyễn Hữu	Thắng	9TC5	KHTN (2)
38	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Gia	Huy	9TC2	KHTN (2)



STT	Tên trường	Họ và lót	Tên	Lớp học	Môn
39	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	9TC2	KHTN (2)
40	THCS Nguyễn Thị Thập	Cao	Minh	9TC3	KHTN (2)
41	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Nguyễn Thanh	Phuong	9TC5	KHTN (2)
42	THCS Trần Quốc Tuấn	Đoàn Quang Tấn	Sang	9TC1	KHTN (2)
43	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Hải	Yến	9TC5	KHTN (2)
44	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Lê Minh	Hiền	9T1	KHTN (2)
45	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Trần Lê Thanh	Vy	9T1	KHTN (2)
46	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Phạm Khiết	Tâm	9T2	KHTN (3)
47	THCS Nguyễn Thị Thập	Lê Hoàng Hải	Đăng	9TH	KHTN (3)
48	THCS Trần Quốc Tuấn	Nguyễn Tân	Khải	9TC1	KHTN (3)
49	THCS Nguyễn Thị Thập	Đinh Ngọc	Hân	9TH	KHTN (3)
50	THCS Hoàng Quốc Việt	Phạm Thanh	Nhã	9TC3	KHTN (3)
51	THCS Phạm Hữu Lầu	Lưu Quốc	Anh	9TC1	KHTN (3)
52	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Trịnh Khánh	An	9TC5	KHTN (3)
53	THCS Phạm Hữu Lầu	Huỳnh Hiếu	Huy	9TC2	KHTN (3)
54	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn Mai	Trang	9A7	KHTN (3)
55	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Ngọc Uyên	Phuong	9A4	KHTN (3)
56	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Lê Hà	Mi	9TC2	KHTN (3)
57	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Vũ Trúc	Linh	9TC2	KHTN (3)
58	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Giang Bảo	Châu	9TC1	KHTN (3)
59	THCS Nguyễn Thị Thập	Lê Thị Minh	Thư	9TC3	KHTN (3)
60	THCS Hoàng Quốc Việt	Lê Huỳnh Vân	Trang	9TC1	KHTN (3)
61	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Huỳnh Bích	Hà	9TC6	Lịch sử và Địa lý (1)
62	THCS Nguyễn Thị Thập	Đoàn Hà Anh	Đăng	9TC1	Lịch sử và Địa lý (1)
63	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Thị Minh	Trang	9TH	Lịch sử và Địa lý (1)
64	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Tạ Hoàng Kim	Ngọc	9TC6	Lịch sử và Địa lý (1)
65	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Thị Thuý	An	9TC1	Lịch sử và Địa lý (1)
66	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặng Thị Khánh	Giang	9A2	Lịch sử và Địa lý (1)
67	THCS Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Thanh	Tâm	9TC3	Lịch sử và Địa lý (1)
68	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Thái Nhật	Kha	9E2	Lịch sử và Địa lý (1)
69	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Giáng	Ngọc	9TC6	Lịch sử và Địa lý (1)
70	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Châu Hồng Thiên	An	9T2	Lịch sử và Địa lý (1)
71	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Phạm Doãn Thiên	Ân	9A1	Lịch sử và Địa lý (1)
72	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Gia	Hân	9TC6	Lịch sử và Địa lý (1)
73	THPT Nam Sài Gòn	Trần Minh	Ngọc	9A6	Lịch sử và Địa lý (1)
74	THCS Huỳnh Tấn Phát	Trần Đặng Xuân	Nhi	9A2	Lịch sử và Địa lý (1)
75	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn An	Nhiên	9A7	Lịch sử và Địa lý (1)
76	THCS Nguyễn Hiền	Bùi Nhã	My	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)
77	THCS và THPT Đức Trí	Lê Tuấn	Đức	9B1	Lịch sử và Địa lý (2)
78	THCS Trần Quốc Tuấn	Trần Hoàng Phi	Yến	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)
79	THCS Nguyễn Hiền	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)
80	THCS Nguyễn Hiền	Lê Nguyễn Ngọc	Tú	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)
81	THCS Nguyễn Hiền	Cung Ngọc	Mai	9A4	Lịch sử và Địa lý (2)
82	THCS Nguyễn Hiền	Phạm Ngọc Minh	Châu	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)
83	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Văn	Thành	9TC1	Lịch sử và Địa lý (2)
84	THCS Huỳnh Tấn Phát	Đặng Ngọc Thanh	Thư	9A6	Lịch sử và Địa lý (2)
85	THCS Nguyễn Hiền	Lê Thanh	Thúy	9A4	Lịch sử và Địa lý (2)
86	THCS Nguyễn Hiền	Trương Tuệ	Lâm	9A3	Lịch sử và Địa lý (2)

STT	Tên trường	Họ và lót	Tên	Lớp học	Môn
87	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Trần Linh	Xuân	9TC1	Lịch sử và Địa lý (2)
88	THPT Nam Sài Gòn	Nguyễn Ngọc Vân	Nhu	9A1	Lịch sử và Địa lý (2)
89	THCS Huỳnh Tấn Phát	Trần Hoàng Khánh	Như	9A6	Lịch sử và Địa lý (2)
90	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Thị Minh	Thư	9TC1	Lịch sử và Địa lý (2)
91	THCS Hoàng Quốc Việt	Bùi Trần Gia	An	9TC1	Ngữ văn
92	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Quỳnh	Giang	9TC4	Ngữ văn
93	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Bảo	Ngọc	9TC4	Ngữ văn
94	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Ngô Nhã	Thị	9TC4	Ngữ văn
95	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Cát Thiên	Kim	9TC4	Ngữ văn
96	THCS Hoàng Quốc Việt	Dương Quỳnh	Anh	9TC3	Ngữ văn
97	THCS Phạm Hữu Lầu	Nguyễn Ngọc	Hà	9T7	Ngữ văn
98	THCS Nguyễn Thị Thập	Đặng Đắc	Ngọc	9A4	Ngữ văn
99	THCS Phạm Hữu Lầu	Phạm Ngọc Đan	Đan	9TC1	Ngữ văn
100	THCS Nguyễn Hiền	Phan Đường Thảo	Nghi	9A1	Ngữ văn
101	THCS Nguyễn Thị Thập	Huỳnh Đồng Gia	Phúc	9TC2	Ngữ văn
102	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Chu Thanh Trúc	Phương	9TC4	Ngữ văn
103	THPT Nam Sài Gòn	Lê Trục	Quang	9A4	Ngữ văn
104	THCS Nguyễn Thị Thập	Phan Bảo	Thị	9TC1	Ngữ văn
105	THCS Nguyễn Thị Thập	Phạm Bảo	Vi	9TC3	Ngữ văn
106	THCS Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Gia	Tường	9TC2	Tiếng Anh
107	THCS Nguyễn Thị Thập	Phan Gia	Hy	9TH	Tiếng Anh
108	THCS Nguyễn Thị Thập	Trần Khánh	Hân	9TH	Tiếng Anh
109	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đình Minh	Khôi	9TH	Tiếng Anh
110	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Đỗ Vương Chính	Nguyên	9E2	Tiếng Anh
111	THCS Huỳnh Tấn Phát	Nguyễn Đình Song	Thư	9A3	Tiếng Anh
112	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Nguyễn Phương	Linh	9F1	Tiếng Anh
113	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Nguyễn Hà	My	9E1	Tiếng Anh
114	TH, THCS và THPT Việt Úc (SR)	Nguyễn Bảo	Lâm	9.S2	Tiếng Anh
115	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Trần Phan Minh	Phú	9A2	Tiếng Anh
116	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Đình Minh	Khoa	9TH	Tiếng Anh
117	TH, THCS và THPT Việt Úc (RS)	Lê Gia Khánh	Nam	9.R1	Tiếng Anh
118	THCS Phạm Hữu Lầu	Phùng Minh	Khôi	9TC2	Tiếng Anh
119	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Phan Trọng	Lâm	9TC6	Tiếng Anh
120	TH, THCS và THPT Việt Úc (RS)	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	9.R1	Tiếng Anh
121	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Trần Gia	Bảo	9TC6	Tin học
122	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Hung Gia	Bảo	9T1	Tin học
123	THCS và THPT Đức Trí	Nguyễn Quang	Dũng	9B1	Tin học
124	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Lê Gia	Minh	9T2	Tin học
125	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Phí Ngọc	Quang	9E2	Tin học
126	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Nguyễn Bá Hiếu	Thiện	9E1	Tin học
127	THCS Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Hoàng Khả	Huy	9TH	Toán
128	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Ngọc Thuý	Tiên	9TH	Toán
129	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Trần Lê Thiên	Bảo	9TC5	Toán
130	THCS Phạm Hữu Lầu	Đàm Minh	Vũ	9TC1	Toán
131	TH, THCS, THPT EMASI NAM LONG	Hoàng Văn	Đức	9I	Toán
132	THCS Nguyễn Thị Thập	Nguyễn Thị Hoài	Dịu	9TH	Toán
133	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Vũ Ngô Gia	Huy	9TC5	Toán
134	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Dương Khánh	Linh	9TC5	Toán

STT	Tên trường	Họ và lót	Tên	Lớp học	Môn
135	THCS Nguyễn Thị Thập	Tổng Phước	Duyệt	9TC1	Toán
136	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Vũ Huỳnh	Duy	9TC5	Toán
137	THCS Phạm Hữu Lầu	Trần Tấn	Phú	9TC3	Toán
138	THCS Trần Quốc Tuấn	Phan Thị Khánh	Băng	9TC2	Toán
139	THCS Nguyễn Hữu Thọ	Lê Minh	Son	9TC5	Toán
140	THCS Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Xuân Quý	Khang	9TH	Toán
141	THPT Nam Sài Gòn	Mai Đức	Toàn	9A4	Toán

Tổng cộng danh sách có 141 học sinh./.